

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 527/2022/HS-PT

Ngày: 26 tháng 7 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán: Ông Hồ Đình Trung;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 880/2021/TLPT- HS ngày 08/10/2021 đối với bị cáo Nông Trung N do có kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên: **Nông Trung N**, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1986 tại tỉnh L. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 22, ngõ 5, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh L; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là nhân viên Ngân hàng; con ông Nông Văn B và bà Hoàng Thị C (đã chết); có vợ Nông Minh N1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 05/8/2020 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị H, Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; có mặt.

*** Các bị hại có kháng cáo:**

1. Bà Lê Minh T, sinh năm 1978; trú tại: Số 11, ngõ 687, đường B1, phường Đ, thành phố L, tỉnh L; có mặt.

2. Bà Nông Thị S, sinh năm 1963; trú tại: Số 691, đường B1, phường Đ, thành phố L, tỉnh L; có mặt.

3. Bà Đinh Thị Cúc H1, sinh năm 1958; trú tại: Số 35, đường C, khu A, thị trấn H2, huyện H2, tỉnh L; có mặt.

4. Bà Đào Thị H3, sinh năm 1970; trú tại: Số 57-59 L, phường H4, thành phố L, tỉnh L; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:

1. Chị Lâm Thu T1, sinh năm 1980; trú tại: Số 140, đường T2, phường C, thành phố L, tỉnh L; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1977; trú tại: Số 9B, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh L; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H6, ông Lương Quang T3, Luật sư Công ty Luật B1, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

** Bị hại không có kháng cáo, kháng nghị Tòa không triệu tập:* Bà Lê Thị L2, ông Trần Quang L3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Trung N là cán bộ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh tỉnh L (BIDV L) từ ngày 16/01/2010 đến ngày 29/9/2017 và từ ngày 18/6/2018 công tác tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh tỉnh L (Vietinbank L). Trong thời gian công tác tại các ngân hàng, Nông Trung N quen biết với Lục Thị S1. Từ khoảng đầu năm 2016, Nông Trung N đã vay tổng số tiền khoảng 30 tỷ đồng của nhiều người rồi cho Lục Thị S1 vay lại để hưởng tiền lãi chênh lệch. Thời gian đầu, Lục Thị S1 trả cho Nông Trung N khoảng 02 tỷ đồng tiền lãi, Nông Trung N sử dụng để trả cho các khoản nợ đã vay. Đến khoảng giữa năm 2016, Lục Thị S1 không còn khả năng trả tiền cho Nông Trung N do kinh doanh không hiệu quả. Do đó, từ năm 2016 đến năm 2019, Nông Trung N lấy lý do cần tiền làm đảo hạn ngân hàng, đầu tư kinh doanh để vay tiền của nhiều người và nhờ vợ là Nông Minh N1 đứng tên thế chấp một số bất động sản, đứng tên vay tiền cho Nông Trung N để trả các khoản nợ trước đó. Kết quả điều tra xác định Nông Trung N đã gian dối chiếm đoạt tiền của 06 bị hại trên địa bàn tỉnh L, cụ thể như sau:

1. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị L2

Khoảng đầu tháng 12-2019, thông qua giới thiệu của Trần Thị T4, Hoàng Thị N3, Nông Trung N gọi điện hỏi vay tiền của Đồng Thị Hải A với lý do để

làm đảo hạn cho khách hàng. Do không có tiền cho vay, nên ngày 03-12-2019, Đồng Thị Hải A gọi điện cho Lê Thị L2 nói Nông Trung N đang cần vay tiền để đảo hạn ngân hàng, nếu Lê Thị L2 có tiền thì cho vay có tính lãi. Do Lê Thị L2 chưa đồng ý, nên Đồng Thị Hải A cho Nông Trung N số điện thoại của Lê Thị L2 để hai bên tự liên lạc thỏa thuận. Ngày 04/12/2019, Nông Trung N gọi điện cho Lê Thị L2 giới thiệu bản thân đang làm ở Ngân hàng Vietinbank L và đặt vấn đề vay 3.500.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày để làm đảo hạn ngân hàng cho khách. Trong các ngày 05/12/2019 và 06/12/2019, Lê Thị L2 đã nhờ cháu gái chuyển tổng số tiền 3.500.000.000 đồng vào số tài khoản 107000861561 Vietinbank của Hoàng Văn N4 theo yêu cầu của Nông Trung N.

Sau khi nhận đủ tiền, Nông Trung N gửi tin nhắn xác nhận cho Lê Thị L2 và nhờ Nguyễn Khải H7 (em rể vợ Nông Trung N) đưa Hoàng Văn N4 đến Ngân hàng để chuyển tiền từ tài khoản của Hoàng Văn N4 đến các tài khoản khác. Theo yêu cầu của Nông Trung N, Nguyễn Khải H7 viết phiếu chuyển tiền và đưa cho Hoàng Văn N4 ký chủ tài khoản, trong đó chuyển 1.500.000.000 đồng vào tài khoản Phan Hồng L4 để Nông Trung N trả nợ Phạm Thị Thu T3; chuyển 2.000.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0981000418550 và tài khoản Ngân hàng MB Bank số 5150179929888 của Nguyễn Khải H7 (đây là hai tài khoản do Nguyễn Khải H7 đứng tên, còn Nông Trung N là người trực tiếp sử dụng). Trong số 2.000.000.000 đồng nói trên, Nông Trung N chuyển 200.000.000 đồng trả nợ cho Lương Thị Đường; chuyển 700.000.000 đồng trả nợ cho Hồ Thị Kiều Vân; chuyển 1.100.000.000 đồng còn lại vào tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19020770770019 của Nông Trung N. Sau đó, Nông Trung N sử dụng để trả nợ nhưng không nhớ trả cho những ai. Hiện số tiền Nông Trung N chưa trả cho Lê Thị L2 là 3.500.000.000 đồng.

2. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lê Minh T

Giữa năm 2018, ông Lê B1 (bố đẻ Lê Minh T) thường xuyên đến giao dịch và quen Nông Minh N1 (vợ của Nông Trung N) là cán bộ Ngân hàng Vietinbank L. Qua ông Lê B1, Nông Minh N1 quen và nhiều lần vay tiền của Lê Minh T để làm đảo hạn cho khách hàng của Nông Minh N1, các lần vay Nông Minh N1 đã thanh toán đầy đủ cho Lê Minh T. Đến đầu tháng 10/2018, Nông Trung N nhờ Nông Minh N1 vay tiền hộ của Lê Minh T để làm đảo hạn cho khách hàng của Nông Trung N. Khi nhờ vay tiền hộ, Nông Trung N không nói cho Nông Minh N1 biết. Số tiền vay được Nông Trung N không làm đảo hạn ngân hàng mà dùng để trả nợ cho người khác. Từ ngày 20/10/2018 đến ngày 20/7/2019, Nông Minh N1 đã vay hộ từ Lê Minh T 03 lần với tổng số tiền 1.350.000.000 đồng với lý do để làm đảo hạn cho khách hàng như Nông Trung N nói với Nông Minh N1, thỏa thuận lãi suất là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau đó, Nông Minh N1 chuyển toàn bộ số tiền đã vay cho Nông Trung N. Số tiền này Nông Trung N không làm đảo hạn cho khách hàng mà sử dụng để trả nợ, nhưng không nhớ đã trả cho ai.

Để tạo lòng tin với Lê Minh T, từ ngày 20/10/2018 đến ngày 20/11/2019, Nông Trung N đã vay tiền của người khác và đưa cho Nông Minh N1 05 lần để trả cho Lê Minh T với tổng số tiền là 751.525.000 đồng, gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 651.525.000 đồng tiền lãi. Hiện số tiền Nông Trung N chưa trả cho Lê Minh T là 1.350.000.000 đồng - 751.525.000 đồng = 598.475.000 đồng.

3. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Quang L3

Ông Trần Quang L3 là khách hàng của Nông Trung N trong thời gian công tác tại Ngân hàng BIDV L. Khoảng tháng 9/2016, Nông Trung N đặt vấn đề vay tiền để làm đảo hạn cho khách hàng, Trần Quang L3 đồng ý và ngày 21/9/2016 cho Nông Trung N vay 2.400.000.000 đồng. Số tiền này Nông Trung N không làm đảo hạn cho khách hàng mà sử dụng hết để trả nợ, nhưng không nhớ đã trả nợ cho ai. Sau đó, vào ngày 26/12/2016, 19/10/2017 và 30/10/2018, Nông Trung N đã vay tiền của người khác để trả cho Trần Quang L3 với tổng số tiền 1.450.000.000 đồng, gồm 900.000.000 đồng tiền gốc và 550.000.000 đồng tiền lãi. Hiện số tiền Nông Trung N chưa trả cho Trần Quang L3 là 2.400.000.000 đồng - 1.450.000.000 đồng = 950.000.000 đồng.

4. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Đào Thị H3

Bà Đào Thị H3 là khách hàng của Nông Minh N1 trong thời gian công tác tại Ngân hàng Vietinbank L. Trong thời gian này, Nông Minh N1 nhiều lần vay tiền của Đào Thị H3 để làm đảo hạn cho khách hàng và đã thanh toán đầy đủ. Đến cuối tháng 11/2019, Nông Trung N nhờ Nông Minh N1 vay tiền hộ của Đào Thị H3 để Nông Trung N làm đảo hạn cho khách hàng của Nông Trung N. Khi nhờ vay tiền hộ, Nông Trung N không nói cho Nông Minh N1 biết số tiền vay được. Nông Trung N không làm đảo hạn ngân hàng mà dùng để trả nợ cho người khác. Nông Minh N1 đã hỏi vay Đào Thị H3 02 lần với tổng số tiền 3.500.000.000 đồng với lý do để làm đảo hạn cho khách hàng như Nông Trung N nói với Nông Minh N1, thỏa thuận lãi suất là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau đó, Nông Trung N cho Nông Minh N1 thông tin tài khoản Vietinbank số 107000861561 của Hoàng Văn N4 và tài khoản Vietinbank số 100000939930 của Lê Thị Thúy để gửi cho Đào Thị H3. Ngày 26/11/2019, Đào Thị H3 đã chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của Hoàng Văn N4. Ngày 02/12/2019, Đào Thị H3 chuyển tiếp số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của Lê Minh T. Nông Trung N nhờ các tài khoản đó để nhận tiền, sau đó, Nông Trung N chuyển tiền đi nhiều tài khoản khác để trả nợ cá nhân, nhưng không nhớ đã trả cho ai. Hiện số tiền Nông Trung N chưa trả cho Đào Thị H3 là 3.500.000.000 đồng.

5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Đinh Thị Cúc H1

Bà Đinh Thị Cúc H1 thường xuyên đến giao dịch và quen Vi Thanh H4 là cán bộ tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh huyện H2, tỉnh L. Trong thời gian này, Vi Thanh H4 nhiều lần vay tiền của bà Đinh Thị Cúc H1 để làm

đáo hạn cho khách hàng và đã thanh toán đầy đủ. Đến tháng 7/2019, Vi Thanh H4 chuyển công tác về Ngân hàng Vietinbank L và quen Nông Trung N là đồng nghiệp cùng Chi nhánh.

Đầu tháng 9/2019, Nông Trung N nhờ Vi Thanh H4 giới thiệu người có tiền để Nông Trung N vay tiền làm đáo hạn cho khách hàng. Vi Thanh H4 đã giới thiệu Đinh Thị Cúc H1 cho Nông Trung N. Sau đó, Nông Trung N đã liên lạc điện thoại hỏi vay Đinh Thị Cúc H1 số tiền 1.500.000.000 đồng với lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ngày 03/9/2019, Đinh Thị Cúc H1 đã chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản Vietinbank số 100868635525 mang tên Lý Minh H5 do Nông Trung N cung cấp cho Vi Thanh H4 để gửi cho Đinh Thị Cúc H1. Sau khi nhận tiền, Nông Trung N không làm đáo hạn ngân hàng mà sử dụng hết để trả nợ cá nhân, nhưng không nhớ đã trả cho ai.

Để tạo lòng tin với Đinh Thị Cúc H1, trong các ngày 14/11/2019 và 07/12/2019, Nông Trung N đã vay tiền của người khác và trả qua tài khoản (người nhà của Đinh Thị Cúc H1) cho Đinh Thị Cúc H1 tổng số tiền 248.500.000 đồng. Hiện số tiền Nông Trung N chưa trả cho Đinh Thị Cúc H1 là 1.500.000.000 đồng - 248.500.000 đồng = 1.251.500.000 đồng.

6. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nông Thị S

Khoảng năm 2019, Nông Thị S đến gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Vietinbank L và quen Nông Minh N1. Tháng 11/2019, Nông Trung N nhờ Nông Minh N1 vay tiền hộ của Nông Thị S để làm đáo hạn cho khách hàng của Nông Trung N. Khi nhờ Nông Minh N1 vay tiền, Nông Trung N không nói cho Nông Minh N1 biết số tiền vay Nông Trung N không làm đáo hạn ngân hàng mà dùng để trả nợ cho người khác. Ngày 28/11/2019, Nông Minh N1 hỏi vay Nông Thị S 3.170.000.000 đồng theo lãi suất ngân hàng, Nông Thị S đồng ý và thỏa thuận phải trả thêm một khoản lãi ngoài khoản lãi suất ngân hàng. Số tiền vay được Nông Minh N1 chuyển toàn bộ cho Nông Trung N. Số tiền này Nông Trung N không làm đáo hạn cho khách hàng mà sử dụng hết để trả nợ cá nhân, nhưng không nhớ đã trả cho ai.

Để tạo lòng tin với Nông Thị S, trong các ngày 02/12/2019 và 12/12/2019, Nông Trung N đã vay tiền của người khác và đưa cho Nông Minh N1 để trả cho Nông Thị S tổng số tiền 39.100.000 đồng. Hiện số tiền Nông Trung N chưa trả cho Nông Thị S là 3.170.000.000 đồng - 39.100.000 đồng = 3.130.900.000 đồng.

Ngoài ra, Nông Trung N còn lấy lý do vay tiền để kinh doanh, để trả nợ, để đầu tư ... đã trực tiếp vay hoặc nhờ Nông Minh N1 vay, mượn tài sản của người khác; cụ thể:

1. Tháng 11/2017, Nông Trung N vay tổng cộng 2.000.000.000 đồng của Lâm Thu T1 để kinh doanh, hiện chưa trả hết số tiền đã vay. Khi vay tiền Nông

Trung N không đưa ra thông tin gian dối để vay tiền, đồng thời Lâm Thu T1 không có yêu cầu gì xử lý với Nông Trung N.

2. Ngày 01/10/2019, Nông Trung N vay 02 lần với tổng số tiền 2.500.000.000 đồng của Trương Thị H5 để đáo nợ cho khách hàng và trả nợ. Sau đó, Nông Trung N đã thực hiện trả nợ gốc, lãi nhiều lần, hiện số tiền chưa thanh toán là 1.355.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, Trương Thị H5 trình bày việc vay mượn tiền giữa hai bên là giao dịch dân sự, có thỏa thuận trả lãi, Trương Thị H5 không có yêu cầu, đề nghị gì và sẽ tự giải quyết, thỏa thuận về mặt dân sự với Nông Trung N.

3. Ngày 14/02/2018, Nông Trung N đã vay 2.300.000.000 đồng của Toàn Minh Dương có trả lãi. Sau đó, Nông Trung N đã thực hiện trả nợ nhiều lần với tổng số tiền 720.000.000 đồng, hiện số tiền chưa thanh toán là 1.580.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, Toàn Minh Dương xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là quan hệ dân sự, Toàn Minh Dương sẽ tự giải quyết, thỏa thuận về mặt dân sự và không yêu cầu xử lý gì đối với Nông Trung N.

4. Tháng 9/2016, Nông Trung N vay 03 lần với tổng số tiền 4.900.000.000 đồng của Nguyễn Thị H5, có trả lãi. Sau đó, Nông Trung N đã thực hiện trả nợ nhiều lần gốc, lãi với tổng số tiền 3.175.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H5 xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là quan hệ dân sự, hai bên sẽ tự giải quyết, thỏa thuận về mặt dân sự và không yêu cầu xử lý gì đối với Nông Trung N.

5. Tháng 5/2017, Nông Trung N vay 2.900.000.000 đồng của Hoàng Hải Đ2 có trả lãi để kinh doanh. Sau đó, Nông Trung N đã thực hiện trả nợ nhiều lần gốc, lãi với tổng số tiền 2.798.000.000đ. Tại cơ quan điều tra, Hoàng Hải Đ2 xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là quan hệ dân sự, hai bên sẽ tự giải quyết, thỏa thuận về mặt dân sự và không yêu cầu xử lý gì đối với Nông Trung N.

6. Tháng 8/2017, Nông Trung N nhờ Nông Thị Thu T6 (em vợ của Nông Trung N) đứng tên thế chấp tài sản là nhà đất tại số 202, đường Ngô Quyền, phường Đ, thành phố L, tỉnh L để vay vốn tại ngân hàng với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Sau đó, cho Nông Trung N sử dụng số tiền đó. Tại cơ quan điều tra, Nông Thị Thu T6 xác định đây là sự giúp đỡ trong gia đình, không có yêu cầu trả tiền và không yêu cầu xử lý với Nông Trung N và Nông Minh N1.

7. Ngày 10/12/2017 và 28/4/2018, Nông Trung N vay nhiều lần với tổng số tiền 18.000.000.000 đồng của Hoàng Thúy M3 (là dì ruột của Nông Trung N), có trả lãi để lấy tiền kinh doanh. Nông Trung N mới trả được cho Hoàng Thúy M3 3.552.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, Hoàng Thúy M3 xác định đây là vay mượn giữa những người thân trong gia đình, Hoàng Thúy M3 tự nguyện hỗ trợ cho Nông Trung N và không yêu cầu xử lý đối với Nông Trung N.

8. Tháng 01/2018, Nông Trung N vay 2.600.000.000 đồng của đồng nghiệp Nguyễn Quỳnh A1 để đầu tư kinh doanh. Sau đó, Nông Trung N đã trả được 175.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Nguyễn Quỳnh A1 xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là quan hệ dân sự, do là đồng nghiệp nên giúp đỡ nhau, Nguyễn Quỳnh A1 không có yêu cầu xử lý đối với Nông Trung N.

9. Đầu năm 2018, Nông Trung N mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất tại tỉnh Long An của Nguyễn Văn H7 (bác vợ của Nông Trung N) để thế chấp ngân hàng vay số tiền 1.500.000.000 đồng để kinh doanh. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H7 xác định đây là vay mượn cá nhân, do là người thân trong gia đình nên giúp đỡ nhau, Nguyễn Văn H7 không yêu cầu xử lý đối với Nông Trung N và Nông Minh N1.

10. Tháng 12/2018, Nông Trung N vay 2.100.000.000 đồng của Nguyễn Thị T8 (là hàng xóm) có trả lãi. Sau đó, Nông Trung N đã trả được 228.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T8 xác định đây là giao dịch dân sự, vay mượn cá nhân, do thân quen nên giúp nhau, Nguyễn Thị T8 không yêu cầu xử lý hình sự, không khiếu kiện gì đối với vợ chồng Nông Trung N.

11. Ngày 22/4/2019, Nông Trung N vay 1.900.000.000 đồng của đồng nghiệp Phạm Thị Thanh H8 có trả lãi suất. Quá trình điều tra, Phạm Thị Thanh H8 xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là quan hệ dân sự, hai bên sẽ tự giải quyết với nhau.

12. Tháng 11/2019, Nông Trung N mượn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường C, thành phố L, tỉnh L của đồng nghiệp Cao Sỹ Hoàng A2 để thế chấp ngân hàng. Để Nông Trung N vay được tiền thì Cao Sỹ Hoàng A2 đã làm thủ tục sang tên mảnh đất đó cho vợ chồng Nông Trung N. Sau đó, vợ chồng Nông Trung N làm thủ tục thế chấp tại ngân hàng để vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Cao Sỹ Hoàng A2 xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là quan hệ dân sự, do bạn bè nên giúp nhau, Cao Sỹ Hoàng A2 không có yêu cầu xử lý và khiếu kiện gì đối với vợ chồng Nông Trung N.

13. Ngày 19-10-2017, Nông Trung N nhờ Nông Minh N1 vay 02 lần với tổng số tiền 2.200.000.000 đồng của đồng nghiệp Vũ Hoài T9 có trả lãi. Sau đó, Nông Trung N đã đưa cho Nông Minh N1 1.730.000.000 đồng trả cho Vũ Hoài T9. Quá trình điều tra, Vũ Hoài T9 xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là quan hệ dân sự, do là đồng nghiệp nên giúp đỡ nhau, Vũ Hoài T9 không có yêu cầu xử lý hình sự đối với sự việc trên.

14. Tháng 5/2019 và ngày 21/11/2019, Nông Trung N nhờ Nông Minh N1 vay nhiều lần với tổng số tiền 7.400.000.000 đồng của Nguyễn Thị Thanh H7 có trả lãi. Sau đó, Nông Trung N đã đưa cho Nông Minh N1 1.569.000.000 đồng trả cho Nguyễn Thị Thanh H7. Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thanh H7 xác định là quan hệ dân sự, không có yêu cầu xử lý hình sự đối với sự việc trên.

15. Ngày 03/12/2019, Nông Trung N nhờ Nông Minh N1 vay 3.200.000.000 đồng của Nguyễn Bích H8 có trả lãi. Sau đó, Nông Trung N đã đưa cho Nông Minh N1 1.600.000.000 đồng trả cho Nguyễn Bích H8. Quá trình điều tra, Nguyễn Bích H8 xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là giao dịch dân sự, Nguyễn Bích H8 không có yêu cầu, đề nghị xử lý gì trách nhiệm của Nông Minh N1 đối với khoản nợ trên.

16. Ngày 25/02/2019, Nông Trung N vay 8.300.000.000 đồng của Bùi Thị H8 có trả lãi. Hiện đã trả xong gốc và lãi theo thỏa thuận nên Bùi Thị H8 không có yêu cầu, đề nghị gì.

17. Từ năm 2017 đến năm 2019, Nông Trung N vay tiền của Trần Thị T4 nhiều lần với tổng số tiền 10.300.000.000 đồng có trả lãi. Hiện Nông Trung N đã trả được 10.557.760.000 đồng, còn số tiền lãi chưa thanh toán. Số tiền gốc đã thanh toán vượt quá số tiền vay nên xác định đây là giao dịch dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh L đã căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 291, Điều 292, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 274, 275, 288, 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Nông Trung N 20 (hai mươi) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để tạm giam là ngày 05/8/2020.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nông Trung N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho 04 bị hại bà Lê Minh T, bà Đào Thị H3, bà Đinh Thị Cúc H1, bà Nông Thị S với tổng số tiền là 8.480.875.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Lê Minh T số tiền 598.475.000 đồng (năm trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng)

- Bồi thường cho bà Đào Thị H3 số tiền 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đinh Thị Cúc H1 số tiền 1.251.500.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Nông Thị S số tiền 3.130.900.000 đồng (ba tỷ một trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự; án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 10/9/2021, bị cáo Nông Trung N kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/9/2021, bị hại chị Đinh Thị Cúc H1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 31/8/2021, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm Vi Thanh H4 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm chiếm đoạt số tiền 1.251.500.000 đồng, trách nhiệm bồi thường của bà Vi Thanh H4, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Trung N.

- Ngày 10/9/2021, bị hại Lê Minh T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 31/8/2021, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm của Nông Minh N1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm chiếm đoạt số tiền 1.350.000.000 đồng, trách nhiệm bồi thường của bà Nông Minh N1, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Nông Trung N.

- Ngày 10/9/2021, bị hại Đào Thị H3 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 31/8/2021, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm của Nông Minh N1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm chiếm đoạt số tiền 3.500.000.000 đồng, trách nhiệm bồi thường của bà Nông Minh N1, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Nông Trung N.

- Ngày 10/9/2021, bị hại Nông Thị S kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 31/8/2021, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm của Nông Minh N1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm chiếm đoạt số tiền 3.170.000.000 đồng, trách nhiệm bồi thường của bà Nông Minh N1, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Nông Trung N.

- Ngày 14/9/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Thu T1 kháng cáo: Buộc bị cáo Nông Trung N, bà Nông Minh N1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền đã chiếm đoạt của chị Lâm Thu T1 là 2.115.500.000 đồng.

- Ngày 14/9/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H5 kháng cáo: Buộc bị cáo Nông Trung N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H5 là 3.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nông Trung N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết và quyết định và bị cáo xin rút đơn kháng cáo.

- Bị hại Lê Minh T cho rằng giao dịch vay mượn tiền ban đầu diễn ra giữa bị hại với Nông Minh N1 là vợ của Nông Trung N. Nên ai là người đứng ra vay tiền

thì người đó phải là người trả tiền, đề nghị xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Bị hại Nông Thị S cho rằng giao dịch vay mượn tiền ban đầu diễn ra giữa bị hại với Nông Minh N1 là vợ của Nông Trung N. Mặc dù, sau này vợ bị cáo hoặc bị cáo có đứng ra trả lại một phần tiền cho bị hại nhưng ai là người đứng ra vay tiền thì người đó phải là người trả tiền, đề nghị xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Bị hại Đinh Thị Cúc H1 cho rằng việc giao dịch vay mượn tiền diễn ra giữa bà với Vi Thanh H4 là đồng nghiệp của Nông Trung N. Mặc dù, sau này bị cáo có đứng ra trả lại một phần tiền cho bị hại nhưng ai là người đứng ra vay tiền thì người đó phải là người trả tiền, đề nghị xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Bị hại Đào Thị H3 (vắng mặt) nhưng trong đơn kháng cáo cho rằng giao dịch vay mượn tiền ban đầu diễn ra giữa bị hại với Nông Minh N1 là vợ của Nông Trung N. Bị hại không xác lập quan hệ vay nợ với Nông Trung N nên ai là người đứng ra vay tiền thì người đó phải là người trả tiền, đề nghị xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lâm Thu T1, Nguyễn Thị H5, trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án như nội dung đã tóm tắt ở trên và đề nghị buộc bị cáo Nông Trung N, bà Nông Minh N1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền đã chiếm đoạt của chị Lâm Thu T1 là 2.115.500.000 đồng, của chị Nguyễn Thị H5 là 3.500.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên tòa có quan điểm về vụ án như sau:

Từ năm 2016 đến năm 2019, bị cáo Nông Trung N là nhân viên của Ngân hàng BIDV và Ngân hàng Vietinbank L đã đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền làm đảo hạn ngân hàng cho khách hàng để vay tiền của nhiều người, sau khi vay được tiền Nông Trung N không làm đảo hạn ngân hàng mà chiếm đoạt để trả nợ cho người khác. Tổng số tiền Nông Trung N đã chiếm đoạt của 06 bị hại là 15.420.000.000 đồng gồm: 3.500.000.000 đồng của Lê Thị L2; 1.350.000.000 đồng của Lê Minh T; 2.400.000.000 đồng của Trần Quang L3; 3.500.000.000 đồng của Đào Thị H3; 1.500.000.000 đồng của Đinh Thị Cúc H1 và 3.170.000.000 đồng của Nông Thị S. Bị cáo đã trả lại cho Lê Minh T tổng cộng là 751.525.000 đồng; trả cho Trần Quang L3 tổng cộng là 1.450.000.000 đồng; trả cho Đinh Thị Cúc H1 tổng cộng là 248.500.000 đồng; trả cho Nông Thị S tổng cộng là 39.100.000 đồng.

Xét kháng cáo của bị cáo Nông Trung N: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2021, bị cáo Nông Trung N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại

phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nam xin rút kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Xét kháng cáo của các bị hại Đinh Thị Cúc H1, Lê Minh T, Đào Thị H3, Nông Thị S: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2021 và 10/9/2021, các bị hại Đinh Thị Cúc H1, Lê Minh T, Đào Thị H3, Nông Thị S kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 31/8/2021, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm của Vi Thanh H4 và Nông Minh N1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm; trách nhiệm bồi thường của bà Vi Thanh H4, Nông Minh N1 và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Trung N thấy việc giao dịch vay mượn tiền diễn ra giữa bà với Vi Thanh H4 là đồng nghiệp của Nông Trung N, mặc dù sau này bị cáo đứng ra trả lại một phần tiền cho bị hại nhưng ai là người đứng ra vay tiền thì người đó phải trả tiền. Tuy nhiên, theo lời khai của Nam và Hằng thì Hằng là người giới thiệu Nam vay tiền bà Đinh Thị Cúc H1, bản thân Hằng không được tham gia bàn bạc, không biết bị cáo Nam đưa ra thông tin gian dối khi vay tiền. Toàn bộ số tiền của bà H1 được chuyển vào tài khoản do Nam chỉ định và Nam là người trực tiếp sử dụng số tiền này, Hằng không được hưởng lợi. Bị cáo Nam là người trực tiếp chuyển trả số tiền 248.500.000 đồng vào tài khoản của gia đình bà H1 nên không có căn cứ, cơ sở để xử lý hình sự đối với Vi Thanh H4. Bà H1 xuất trình giấy vay tiền của Nông Trung N và Nông Minh N1, tin nhắn qua zalo của Hằng với bà (nhưng không có nội dung Hằng vay tiền bà), giấy nộp vào tiền vào tài khoản Lý Minh H5, ngoài ra không có tài liệu nào khác thể hiện việc Vi Thanh H4 vay tiền và chiếm đoạt tiền của bà.

Đối với Nông Minh N1 (vợ bị cáo Nam): N9 đã trực tiếp vay tiền của 06 người và 02 khoản vay tại Ngân hàng (có tài sản thế chấp), trong đó có 03 trường hợp xác định là giao dịch dân sự. Các bị hại Lê Minh T, Đào Thị H3, Nông Thị S trực tiếp cho N9 vay tiền. N9 và Nam đều khai rằng: việc N9 vay tiền là theo yêu cầu của Nam, do Nam đưa thông tin là vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Sau khi vay tiền, N9 không sử dụng số tiền đã vay mà chuyển toàn bộ số tiền đó cho Nam hoặc đề nghị người cho vay chuyển trực tiếp vào tài khoản mà Nam yêu cầu. Nam đã đưa tiền cho N9 để trả một phần nợ gốc và lãi cho những người mà N9 vay. N9 không biết Nam sử dụng tiền vào mục đích gì. Đến khoảng tháng 12/2019, Nam nghỉ việc và nói cho N9 biết về việc Nam vay mượn tiền của người này để trả cho người khác mà không làm đáo hạn ngân hàng dẫn đến không còn khả năng trả nợ (cả nợ gốc và lãi khoảng 120 tỷ đồng) và yêu cầu Nông Minh N1 đi cùng bị cáo tìm phương án trả nợ. Sau khi biết sự việc N9 không vay tiền hộ Nam và không vay nợ cho cá nhân. Tuy nhiên, N9 là vợ của bị cáo Nam, hai vợ chồng bị cáo nợ rất nhiều người. Bản thân N9 đứng ra vay tiền của nhiều người đưa cho Nam và Nam đã sử dụng để trả nợ cho những chủ nợ trước. N9 và Nam thường thỏa thuận vay tiền của các bị hại từ 07 đến 10 ngày để đáo hạn cho khách. Bản thân N9 có nghiệp vụ về ngân hàng nên khi N9 vay tiền

cho Nam nhưng Nam không trả được cho người vay mà N9 vẫn tiếp tục vay tiền của người khác đưa cho Nam. Do đó, có dấu hiệu N9 biết được Nam không sử dụng số tiền vay để đáo hạn ngân hàng cho khách mà dùng để trả nợ cho các chủ nợ khác. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sẽ đề nghị Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra công an tỉnh L tiếp tục điều tra, xác minh vai trò, trách nhiệm của Nông Minh N1.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Thu T1 và Nguyễn Thị H5: Ngày 14/9/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Thu T1 và Nguyễn Thị H5 kháng cáo: Buộc bị cáo Nông Trung N, bà Nông Minh N1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền đã chiếm đoạt. Xét thấy:

Tháng 11/2017, Nông Trung N vay của Lâm Thu T1 tổng cộng 2.000.000.000 đồng để kinh doanh, hiện nay chưa trả hết số tiền đã vay. Khi vay Nam không đưa ra thông tin gian dối để vay tiền, Lâm Thu T1 cũng không có yêu cầu xử lý đối với Nam.

Tháng 9/2016, Nam vay của Nguyễn Thị H5 tổng số tiền 4.900.000.000 đồng. Nam đã trả nhiều lần cả gốc và lãi tổng số tiền 3.175.000.000 đồng. Huyện xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên là giao dịch dân sự, các bên tự giải quyết, thỏa thuận về mặt dân sự và không yêu cầu xử lý gì đối với Nam.

Xét thấy, đây là các giao dịch dân sự giữa các bên nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu các bên xét thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, có việc tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Vì vậy, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Thu T1 và Nguyễn Thị H5 không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nông Trung N. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, bác kháng cáo của bị hại và người liên quan có kháng cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về vụ án:

+ Luật sư Lương Quang T: Nhất trí quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc kiến nghị xem xét vai trò của Nông Minh N1. N9 trong thời gian dài đã vay của nhiều người, đưa cho Nam để đáo hạn, nhưng thực tế không đáo hạn mà lại trả lại cho rất nhiều người. Theo quy định của pháp luật thì N9 có vai trò giúp sức cho N. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định N9 là đồng phạm giúp sức cho N thực hiện hành vi phạm tội, nhờ sự giúp đỡ tích cực của N9 thì bị cáo mới lừa đảo nhiều bị hại với số tiền lớn như vậy. Bên cạnh

đó, trong quá trình điều tra lại vụ án cần phải làm rõ việc Nam vay tiền để làm gì. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại.

+ Luật sư Nguyễn Thị H: Đồng tình quan điểm của luật sư T, không đồng ý việc bác đơn kháng cáo của bị hại, người liên quan, kiến nghị xem xét điều tra với N9 mà đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra, truy tố và xét xử lại. Tại giai đoạn điều tra, truy tố, phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại, người liên quan đều khẳng định không biết N là ai, mà chỉ cho N9 và H10 vay. Không thể khởi tố một mình Nông Trung N trong vụ án. N9 và Nam có dấu hiệu bỏ trốn, lợi dụng niềm tin của khách hàng và lừa đảo khách hàng. N9 có vai trò giúp sức, nếu điều tra kỹ còn giữ vai trò chủ đạo trong vụ án. N9 là vợ của bị cáo N thì chắc chắn sẽ biết việc N sử dụng tiền vay để làm gì. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra lại đối với hành vi phạm tội của N9, H10. Đề nghị tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với N. Bị cáo N chưa hề khắc phục hậu quả, không có thiện chí trả lại tiền cho các bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Trong khi trả hồ sơ điều tra bổ sung thì cần phải làm rõ nguồn tiền của bị cáo sử dụng để làm gì.

- Bị cáo không tranh luận gì, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm của luật sư.

Lời sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 20 năm tù là đúng, vì vậy xin rút kháng cáo xin giảm hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt như tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm: Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai. Bà Đào Thị H3 là người bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, những người bị hại và người liên quan khác có mặt do đó căn cứ Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.3]. Kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Có căn cứ xác định: Từ năm 2016 đến năm 2019, bị cáo Nông Trung N khi đó là nhân viên của Ngân hàng BIDV và Ngân hàng Vietinbank L đã đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền làm đảo hạn ngân hàng cho khách hàng để vay tiền của nhiều người, sau khi vay được tiền Nông Trung N không làm đảo hạn ngân hàng mà chiếm đoạt để trả nợ cho người khác. Tổng số tiền Nông Trung N đã chiếm đoạt của 06 bị hại là 15.420.000.000 đồng gồm: 3.500.000.000 đồng của Lê Thị L2, 1.350.000.000 đồng của Lê Minh T, 2.400.000.000 đồng của Trần Quang L3, 3.500.000.000 đồng của Đào Thị H3, 1.500.000.000 đồng của Đinh Thị Cúc H1 và 3.170.000.000 đồng của Nông Thị S. Bị cáo đã trả lại cho Lê Minh T tổng cộng là 751.525.000 đồng; trả cho Trần Quang L3 tổng cộng là 1.450.000.00 đồng; trả cho Đinh Thị Cúc H1 tổng cộng là 248.500.000 đồng; trả cho Nông Thị S tổng cộng là 39.100.000 đồng. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nông Trung N 20 (hai mươi) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không nặng như đơn kháng cáo bị cáo nêu ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin rút đơn kháng cáo. Hội đồng xét xử xem xét và quyết định trong quá trình giải quyết vụ án.

[2.1]. Xét kháng cáo của người bị hại về đề nghị tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Trung N: Hội đồng xét xử thấy như sau: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, hành vi của bị cáo gây ra cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Trước khi quyết định về hình phạt tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến nhân thân của bị cáo là chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Trong quá trình công tác bị cáo được Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tặng Giấy khen. Bố của bị cáo được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục. Mẹ của bị cáo được Tổng Giám đốc Bảo hiểm Việt Nam tặng Bằng khen, được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp bảo hiểm xã hội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần của nhiều người. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tổng hợp các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như đã nêu trên tòa án cấp sơ thẩm đã Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nông Trung N 20 (hai mươi) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, do đó không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (nếu như bị cáo không rút kháng cáo) cũng như không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Trung N như kháng cáo của những người bị hại.

[2.2]. Xét kháng cáo của người bị hại, cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm của Vi Thanh H4 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm chiếm đoạt số tiền 1.251.500.000 đồng, và trách nhiệm bồi thường của bà Vi Thanh H4:

- Đối với Nông Minh N1: Nông Minh N1 đã tham gia một số giao dịch vay, mượn tiền của người khác theo yêu cầu của bị cáo. Sau khi nhận được tiền vay, Nông Minh N1 không được sử dụng mà đưa, chuyển toàn bộ cho bị cáo (nhiều khoản tiền được chuyển vào tài khoản mà bị cáo đã chỉ định) và không biết bị cáo sử dụng vào mục đích khác. Trong thời gian vay, bị cáo nhiều lần đưa tiền cho Nông Minh N1 để mang đi trả một phần nợ gốc và tiền lãi các khoản đã vay. Đến khoảng giữa tháng 12/2019, khi bị cáo đã nghỉ việc và yêu cầu Nông Minh N1 đi cùng bị cáo tìm phương án trả nợ thì Nông Minh N1 mới biết bị cáo vay mượn tiền của người này để trả cho người khác mà không làm đảo hạn ngân hàng dẫn đến không còn khả năng trả nợ. Vì vậy không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Nông Minh N1 với vai trò đồng phạm như yêu cầu kháng cáo của những người bị hại.

Đối với Vi Thanh H4: Vi Thanh H4 là người giới thiệu để bị cáo Nông Trung N gọi điện vay tiền của Đinh Thị Cúc H1. Bản thân Vi Thanh H4 không được tham gia bàn bạc, không biết bị cáo đưa ra thông tin gian dối khi vay tiền. Toàn bộ số tiền của Đinh Thị Cúc H1 được chuyển vào tài khoản mà bị cáo đã chỉ định và bị cáo cũng chính là người trực tiếp đã sử dụng số tiền này, Vi Thanh H4 không được hưởng lợi từ sự việc đó. Chính bị cáo cũng là người đã chuyển trả vào tài khoản của gia đình Đinh Thị Cúc H1 số tiền 248.500.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Vi Thanh H4 với vai trò đồng phạm.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Minh T, Đào Thị H3, Đinh Thị Cúc H1, Nông Thị S nên bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền chiếm đoạt hiện chưa thanh toán, cụ thể: Bị cáo phải trả cho Lê Minh T 598.475.000 đồng; trả cho Đào Thị H3 3.500.000.000

đồng; trả cho Đinh Thị Cúc H1 1.251.500.000 đồng; trả cho Nông Thị S 3.130.900.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc là đúng.

[4]. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thu T1 và chị Nguyễn Thị H5: Xét thấy, trong vụ án này bị cáo và nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có thực hiện vay mượn, thế chấp tài sản. Đây là giao dịch dân sự giữa các bên nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu các bên xét thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, có việc tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

[5]. Từ những phân tích như đã nêu trên Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nông Trung N. Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do bị cáo rút kháng cáo tại phiên tòa nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356 khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố Tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nông Trung N.

2. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.1. Xử phạt bị cáo Nông Trung N 20 (hai mươi) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để tạm giam là ngày 05/8/2020.

2.2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ các Điều: 274, 275, 288, 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Bị cáo Nông Trung N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho 04 bị hại bà Lê Minh T, bà Đào Cúc Hoa, bà Đinh Thị Cúc H1, bà Nông Thị S với tổng số tiền là 8.480.875.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bị cáo Nông Trung N phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Minh T số tiền 598.475.000 đồng (năm trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

- Bị cáo Nông Trung N phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Đào Thị H3 số tiền 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng).

- Bị cáo Nông Trung N phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Đinh Thị Cúc H1 số tiền 1.251.500.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nông Trung N phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nông Thị S số tiền 3.130.900.000 đồng (ba tỷ một trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Trung N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân tỉnh L có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Công an tỉnh L;
- Trại tạm giam CA tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Bị cáo (qua trại);
- Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng

